

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 006/HU/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ESPACE BUSINESS HUẾ

Địa chỉ: Khu Quy Hoạch- Đồng Đa- Hùng Vương- Bà Triệu, phường Phú Hội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0234 3610555

E-mail: customer.care@bigc-vietnam.com

Mã số doanh nghiệp: 3300854978

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 03/GCNATTP-SCT, cấp ngày 18/01/2019 tại T. Thừa Thiên Huế

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **BÁNH BÔNG LAN CAFE**
2. Thành phần: Trứng gà, bột mì, đường, nước, dầu ăn, Baker 999 (chất nhũ hóa (475, 471), chất ổn định (422, 1520, 420(ii))), bột bắp, chất thay thế bột sữa (lactose, protein sữa, dầu cọ), café đen hòa tan (2,2%), kem không sữa
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 3 ngày kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 350 g hoặc theo nhu cầu của khách hàng.
 - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hộp nhựa/ túi nhựa hoặc hộp giấy.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Mã số	Tên	Địa chỉ	Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP
109	Công Ty Cổ Phần Espace Business Huế	Khu Quy Hoạch - Đồng Đa- Hùng Vương- Bà Triệu, P. Phú Hội, TP. Huế, T. Thừa Thiên Huế	03/GCNATTP-SCT, cấp ngày 18/01/2019 tại T. Thừa Thiên Huế
115	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Espace Business Huế tại Đồng Nai	Tầng 1 và 2 TTTM EB Tân Hiệp, số 1135, Nguyễn Ái Quốc, KP 2, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai	03/GCNATTP-SCT, cấp ngày 02/04/2019 tại T. Đồng Nai
126	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Espace Business Huế tại Thành Phố Đà Lạt	Quảng trường Lâm Viên, góc đường Hồ Tùng Mậu và Trần Quốc Toản, P. 10, TP. Đà Lạt, T. Lâm Đồng	10/2018/ATTP-CNĐK, cấp ngày 17/01/2019 tại tỉnh Lâm Đồng
129	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Espace Business Huế tại Bình Định	KĐT Xanh Vũng Chua, P. Ghềnh Ráng, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định	13.20GCNATTP-SCT, cấp ngày 07/07/2020 tại T. Bình Định
130	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Espace Business Huế tại Nha Trang	TTTM EB Nha Trang, lô số 4, đường 19/5, KĐT Vĩnh Diễm Trung, X. Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa	99/GCNATTP-SCT, cấp ngày 08/12/2017 tại T. Khánh Hòa
141	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Espace Business Huế tại Buôn Ma Thuột	TTTM Buôn Ma Thuột, góc đường Nguyễn Thị Định và đường Vành Đai phía Tây, P. Thành Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	67/GCNATTP-SCT, cấp ngày 25/06/2020 tại T. Đắk Lắk

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. Chỉ tiêu độc tố vi nấm: theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 8-1:2011/BYT về quy chuẩn quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Aflatoxin tổng số	µg/kg	4
3	Ochratoxin A	µg/kg	3
4	Deoxynivalenol	µg/kg	500
5	Zearalenone	µg/kg	50

2. Chỉ tiêu kim loại nặng: theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 8-2:2011/BYT về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	0,1
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,2

3. Chỉ tiêu vi sinh vật: theo quyết định số 46/2007/QĐ-BYT về quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁴
2	<i>Coliforms</i>	CFU/g	10
3	<i>E.coli</i>	CFU/g	3
4	<i>S. aureus</i>	CFU/g	10
5	<i>Cl.perfringens</i>	CFU/g	10
6	<i>B.cereus</i>	CFU/g	10
7	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	10 ²

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Ngày 21 tháng 03 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Võ Thị Thu Thắm

ĐÍNH KÈM :

NỘI DUNG NHÃN DỰ THẢO

BÁNH BÔNG LAN CAFE

Thành phần: Trứng gà, bột mì, đường, nước, dầu ăn, Baker 999 (chất nhũ hóa (475, 471), chất ổn định (422, 1520, 420(ii))), bột bắp, chất thay thế bột sữa (lactose, protein sữa, dầu cọ), café đen hòa tan (2,2%), kem không sữa.

Khối lượng tịnh:

Dùng trực tiếp. Bảo quản nhiệt độ 0-4 độ C. Không sử dụng sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng.

Hạn sử dụng: 3 ngày kể từ ngày sản xuất

Ngày sản xuất:

Sản xuất tại: Công Ty Cổ Phần Espace Business Huế - Khu Quy Hoạch - Đồng Đa- Hùng Vương- Bà Triệu, P. Phú Hội, TP. Huế, T. Thừa Thiên Huế

Số tự công bố: 006/HU/2020

BÁNH BÔNG LAN CAFE

Thành phần: Trứng gà, bột mì, đường, nước, dầu ăn, Baker 999 (chất nhũ hóa (475, 471), chất ổn định (422, 1520, 420(ii))), bột bắp, chất thay thế bột sữa (lactose, protein sữa, dầu cọ), café đen hòa tan (2,2%), kem không sữa.

Khối lượng tịnh:

Dùng trực tiếp. Bảo quản nhiệt độ 0-4 độ C. Không sử dụng sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng.

Hạn sử dụng: 3 ngày kể từ ngày sản xuất

Ngày sản xuất:

Sản xuất tại: Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Espace Business Huế tại Đồng Nai - Tầng 1 và 2 TTMM EB Tân Hiệp, số 1135, Nguyễn Ái Quốc, KP 2, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai

Số tự công bố: 006/HU/2020

BÁNH BÔNG LAN CAFE

Thành phần: Trứng gà, bột mì, đường, nước, dầu ăn, Baker 999 (chất nhũ hóa (475, 471), chất ổn định (422, 1520, 420(ii))), bột bắp, chất thay thế bột sữa (lactose, protein sữa, dầu cọ), café đen hòa tan (2,2%), kem không sữa.

Khối lượng tịnh:

Dùng trực tiếp. Bảo quản nhiệt độ 0-4 độ C. Không sử dụng sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng.

Hạn sử dụng: 3 ngày kể từ ngày sản xuất

Ngày sản xuất:

Sản xuất tại: Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Espace Business Huế tại Thành Phố Đà Lạt - Quảng trường Lâm Viên, góc đường Hồ Tùng Mậu và Trần Quốc Toàn, P. 10, TP. Đà Lạt, T. Lâm Đồng

Số tự công bố: 006/HU/2020



BÁNH BÔNG LAN CAFE

Thành phần: Trứng gà, bột mì, đường, nước, dầu ăn, Baker 999 (chất nhũ hóa (475, 471), chất ổn định (422, 1520, 420(ii))), bột bắp, chất thay thế bột sữa (lactose, protein sữa, dầu cọ), café đen hòa tan (2,2%), kem không sữa.

Khối lượng tịnh:

Dùng trực tiếp. Bảo quản nhiệt độ 0-4 độ C. Không sử dụng sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng.

Hạn sử dụng: 3 ngày kể từ ngày sản xuất

Ngày sản xuất:

Sản xuất tại: Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Espace Business Huế tại Bình Định - KĐT Xanh Vững Chua, P. Ghềnh Ráng, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định

Số tự công bố: 006/HU/2020

BÁNH BÔNG LAN CAFE

Thành phần: Trứng gà, bột mì, đường, nước, dầu ăn, Baker 999 (chất nhũ hóa (475, 471), chất ổn định (422, 1520, 420(ii))), bột bắp, chất thay thế bột sữa (lactose, protein sữa, dầu cọ), café đen hòa tan (2,2%), kem không sữa.

Khối lượng tịnh:

Dùng trực tiếp. Bảo quản nhiệt độ 0-4 độ C. Không sử dụng sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng.

Hạn sử dụng: 3 ngày kể từ ngày sản xuất

Ngày sản xuất:

Sản xuất tại: Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Espace Business Huế tại Nha Trang - TTTM EB Nha Trang, lô số 4, đường 19/5, KĐT Vĩnh Diễm Trung, X. Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

Số tự công bố: 006/HU/2020

BÁNH BÔNG LAN CAFE

Thành phần: Trứng gà, bột mì, đường, nước, dầu ăn, Baker 999 (chất nhũ hóa (475, 471), chất ổn định (422, 1520, 420(ii))), bột bắp, chất thay thế bột sữa (lactose, protein sữa, dầu cọ), café đen hòa tan (2,2%), kem không sữa.

Khối lượng tịnh:

Dùng trực tiếp. Bảo quản nhiệt độ 0-4 độ C. Không sử dụng sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng.

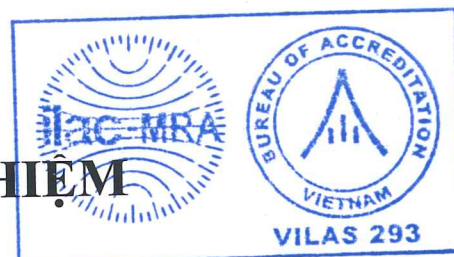
Hạn sử dụng: 3 ngày kể từ ngày sản xuất

Ngày sản xuất:

Sản xuất tại: Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Espace Business Huế tại Buôn Ma Thuột - TTTM Buôn Ma Thuột, góc đường Nguyễn Thị Định và đường Vành Đai phía Tây, P. Thành Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Số tự công bố: 006/HU/2020

Số: 20TP323



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên mẫu: Bánh bông lan cà phê

Nơi sản xuất: Công ty Espace Business Huế

Khu Quy hoạch Đồng Đa, Hùng Vương, Bà Triệu, phường Phú Hội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

Mô tả mẫu: Mẫu được bao bì, đóng gói kín.

Ngày sản xuất: 15/06/2020

Hạn dùng: 17/06/2020

Thời gian lưu mẫu: Theo thủ tục Xử lý đối tượng thử nghiệm KNH/TT/7.4-01

Nơi gửi mẫu: Công ty Espace Business Huế

Khu Quy hoạch Đồng Đa, Hùng Vương, Bà Triệu, phường Phú Hội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

Ngày nhận mẫu: 15/06/2020

Kết quả thử nghiệm:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Hàm lượng Aflatoxin tổng số	µg/kg	TCVN 7407:2004	KPH (< 1,0)
2	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	TCVN 7407:2004	KPH (< 0,3)
3	Hàm lượng Deoxynivalenol	µg/kg	AOAC 986.18	KPH (< 150,0)
4	Hàm lượng Zearalenone	µg/kg	AOAC 985.18	KPH (< 3,0)
5	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	TCVN 8426:2010	KPH (< 0,75)
6	Hàm lượng Chì	mg/kg	TCVN 7602:2007	KPH (< 5,08.10 ⁻³)
7	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	TCVN 7603:2007	KPH (< 0,63.10 ⁻³)
8	<i>Escherichia coli</i>	MPN/g	TCVN 6846:2007	KPH
9	<i>Staphylococcus aureus</i>	MPN/g	TCVN 4830-3:2005	KPH
10	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	TCVN 4991:2005	KPH
11	<i>Bacillus cereus</i>	MPN/g	TCVN 7903:2008	KPH

Ghi chú: KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng định lượng của phương pháp thử)

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 06 năm 2020



Dặng Văn Khánh

- (*): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ; (**): Phép thử chưa được công nhận

- Thông tin về mẫu và nơi gửi mẫu do khách hàng cung cấp

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu đem thử

- Trung tâm không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

- Các bản trích sao kết quả này sẽ không có giá trị nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Thừa Thiên Huế



Report N°: 200710004F

Page N°: 1/2

Ho Chi Minh City, Date: July 09, 2020
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 09/07/2020

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

REF. NO.: FDL20/08133-3
Đơn hàng: FDL20/08133-3

CLIENT'S NAME : CÔNG TY CỔ PHẦN ESPACE BUSINESS HUẾ
Tên khách hàng

CLIENT'S ADDRESS : KHU QUY HOẠCH - ĐỒNG ĐÀ - HÙNG VƯƠNG - BÀ TRIỆU,
Địa chỉ PHƯỜNG PHÚ HỘI, THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:
Mẫu thử nghiệm được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng:

Sample description : CAKE
Mô tả mẫu : Bánh

Number of sample : 01 sample
Số lượng mẫu : 01 mẫu

Sample characterisation/ condition : Sample (approx. 233g) in plastic bag
Tình trạng mẫu : Mẫu (khoảng 233g) chứa trong túi nhựa

Client's reference : BÁNH BÔNG LAN CÀ PHÊ
Chú thích của khách hàng

Nơi lấy mẫu : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ESPACE BUSINESS HUẾ TẠI ĐỒNG NAI
Địa chỉ : TẦNG 1 VÀ 2 TTTM EB TÂN HIỆP, SỐ 1135, NGUYỄN ÁI QUỐC, KP 2, P. TÂN HIỆP, TP. BIÊN HÒA, T. ĐỒNG NAI

Date sample(s) received : July 02, 2020
Ngày nhận mẫu : 02/07/2020

Testing period : July 02 – July 09, 2020
Thời gian thử nghiệm : 02/07/2020 – 09/07/2020

Test requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist. 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921
www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.
The authenticity of this document may be verified at <https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/certificate/authenticateCertificate.jsp>.



Report N°: 200710004F

Page N°: 2/ 2

DETAIL TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Testing Analysis Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	Unit Đơn vị
1. Total Plate Count Tổng vi khuẩn hiếu khí	ISO 4833-1:2013 ^(A)	2.0 x 10 ¹	cfu/g
2. Total Coliforms Coliforms tổng	ISO 4832:2006 ^(A)	< 10	cfu/g
3. Total Yeast & Mold Tổng nấm men và nấm mốc	ISO 21527-2:2008 ^(A)	< 10	cfu/g

Note/Ghi chú:

- When the chemical analyte is detected but the concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ". If the result was calculated from sum of individual analytes, it was done without single values below LOQ taken into account. For microbiological analyte, according to the plate count testing method with dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g.
Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả sẽ được thể hiện là "< LOQ". Nếu kết quả được tính từ tổng của từng chỉ tiêu, nó được thực hiện không bao gồm các giá trị đơn lẻ nhỏ hơn giới hạn định lượng. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc sẽ được trả kết quả <10 cfu/g
- The method(s) remarked with (A), (H) and (T) is (are) designated by the Ministry of Agriculture and Rural Development, the Ministry of Health, and the Ministry of Industry and Trade, respectively.
Phương pháp được đánh dấu bằng chữ (A), (H) và (T) là phương pháp tương ứng được công nhận bởi Bộ Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn, Bộ Y Tế, và Bộ Công Thương

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE (S) ONLY AND SUCH
SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS
Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác
END OF THE REPORT

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Trưởng Phòng Thử Nghiệm Thực Phẩm

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist. 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921
www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.
The authenticity of this document may be verified at <https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/verifyCertificate/authenticateCertificate.jsp>.